

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 02 - 2024

“Về việc ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Mu Ni

Ông Nguyễn Trung Vẹn

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tài, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại điểm cầu Trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và điểm cầu Thành phần là trụ sở Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh đối với vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 49/2023/TLST–HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương Q, sinh năm 1987, có mặt.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Anh PHAN L, sinh năm 1985, vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: E Ormes St P USA (Hoa Kỳ)

** Ngoài ra, còn có sự tham gia hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại 02 điểm cầu:*

- Điểm cầu trung tâm có ông Nguyễn Tấn Đ - Nhân viên kỹ thuật của Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh;

- Điểm cầu thành phần có ông Nguyễn Hữu S - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 06 tháng 11 năm 2023 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương Q trình bày và có yêu cầu như sau:

Nguyên vào năm 2006, chị Nguyễn Thị Phương Q và anh PHAN LEX chung sống với nhau nhưng chưa có đăng ký kết hôn. Đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71, cấp ngày 21/03/2011. Trong thời gian sống chung chị Nguyễn Thị Phương Q và anh PHAN LEX không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do sau khi kết hôn thì anh PHAN LEX quay lại Hoa Kỳ sinh sống còn chị ở lại Việt Nam, anh PHAN LEX không có thường xuyên về thăm chị, chỉ liên lạc qua điện thoại, do khoảng cách địa lý nên vợ chồng không thể quan tâm chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình cảm dần nhạt phai. Hiện tại chị xác định không còn tình cảm với anh PHAN L và xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị Nguyễn Thị Phương Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho Nguyễn Thị Phương Q được ly hôn với anh PHAN L; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo công văn số 105/TA-GĐ&NCTN ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc yêu cầu đương sự trình bày ý kiến, được hợp thức hóa lãnh sự ngày 02/01/2024 bị đơn anh PHAN LEX có ý kiến trình bày và yêu cầu như sau:

Anh thống nhất ly hôn với chị Nguyễn Thị Phương Q; giữa anh và chị Q không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung và đồng ý xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy chị Nguyễn Thị Phương Q và anh P LEX sống chung với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam. Hiện nay, mỗi người sống ở một đất nước khác nhau không thể đoàn tụ, chị Nguyễn Thị Phương Q xác định không còn tình cảm yêu thương với anh PHAN L và anh PHAN L cũng thống nhất ly hôn với chị Q. Do đó, chị Nguyễn Thị Phương Q yêu cầu được ly hôn với anh PHAN LEX là có căn cứ. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 58 và 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 của Việt Nam chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương Q. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Phương Q và anh PHAN LEX khai không có, không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết. Đương sự chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và các chi phí uỷ thác tư pháp theo

quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Phương Q và anh PHAN L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71, cấp ngày 21/03/2011 đúng theo quy định nên quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Phương Q và anh PHAN L là hợp pháp. Việc chị Nguyễn Thị Phương Q yêu cầu ly hôn với anh PHAN L, trú tại 5641 Ormes St Philadelphia PA 19120 USA (Hoa Kỳ) là quan hệ tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh PHAN LEX có yêu cầu xét xử vắng mặt do không có điều kiện tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó, căn cứ vào Điều 238 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh PHAN LEX.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương Q và anh PHAN L đăng ký kết hôn tại Sở Tư Pháp, tỉnh Trà Vinh đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Theo chị Nguyễn Thị Phương Q trình bày sau khi kết hôn thì anh PHAN LEX quay lại Hoa Kỳ sinh sống còn chị ở lại Việt Nam, anh PHAN LEX không có thường xuyên về thăm chị, do khoảng cách địa lý nên vợ chồng không thể quan tâm chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình cảm dần nhạt phai. Hiện tại chị xác định không còn tình cảm với anh PHAN L và xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Đối chiếu với quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Việt Nam thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị Nguyễn Thị Phương Q và anh PHAN LEX không thực hiện quyền và nghĩa vụ này đối với nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo quy định pháp luật. Chị Q và anh PHAN L đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời, giữa chị Q và anh PHAN L cũng thống nhất thuận tình ly hôn. Từ những cơ sở trên xét thấy tình cảm vợ chồng của chị Q và anh PHAN LEX không còn, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương Q.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Phương Q và anh PHAN LEX đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội

đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, buộc Chị Nguyễn Thị Phương Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm chị Nguyễn Thị Phương Q đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019480 ngày 06/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 207, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương Q.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Phương Q được ly hôn với anh PHAN LEX.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc Chị Nguyễn Thị Phương Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019480 ngày 06/11/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, chị Q đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nên không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày

tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, để đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh
(Đăng ký kết hôn số 71 ngày 21/03/2011)
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Châu